

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 12/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 12/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết 36-NQ/TW, Nghị quyết 189/NQ-CP và Kế hoạch số 203-KH/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết 36 - NQ/TW, Nghị quyết 189/NQ-CP và Kế hoạch 203-KH/TU. Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị trong triển khai ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, Nghị quyết 189/NQ-CP và Kế hoạch 203-KH/TU đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở; huy động sự vào cuộc của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung phát triển một số sản phẩm công nghệ sinh học có thế mạnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản, bảo quản sau thu hoạch, chế biến thực phẩm...; hoàn thành các mục tiêu ứng dụng, chuyển giao công nghệ

sinh học vào các ngành, lĩnh vực, đóng góp cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh; tạo sự chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ sinh học vào đời sống của Nhân dân. Xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh thúc đẩy phát triển và ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống của người dân và doanh nghiệp. Nhất là chính sách thu hút các doanh nghiệp khoa học và công nghệ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

Xây dựng hệ thống phát triển công nghệ sinh học và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bút phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài chính đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực; tiếp tục đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, tổ chức khoa học và công nghệ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học có chất lượng đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển công nghiệp sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề bảo đảm chất lượng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên gia đầu ngành chủ động phát triển công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học.

Từng bước tiếp cận và ứng dụng công nghệ sinh học có trình độ tiên tiến, hiện đại trong một số lĩnh vực; hỗ trợ 10-15 dự án hoàn thiện, làm chủ công nghệ tạo ra các sản phẩm mới bằng công nghệ sinh học (như: giống cây trồng, vật nuôi, chủng vi sinh vật, sản phẩm chế biến công nghiệp...) có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao. Hỗ trợ ít nhất 5 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2025, số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình từ 12 -14%.

Công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; doanh nghiệp công nghiệp sinh học tăng 50% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng, thay thế ít nhất 50% sản phẩm công nghệ sinh học nhập khẩu; đóng góp khoảng 7% vào GRDP của tỉnh; bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Hung Yên là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển trong khu vực và cả nước; trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; hình thành, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học. Công nghiệp sinh học đóng góp 10 - 15% vào GRDP của tỉnh; đảm bảo nhu cầu thiết yếu của xã hội.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết 36-NQ/TW, Nghị quyết 189/NQ-CP và Kế hoạch 203-KH/TU đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới. Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, góp phần tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng. Chú trọng truyền thông về các thành tựu công nghệ sinh học; kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống.

2. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Rà soát, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đảm bảo phù hợp với điều kiện của địa phương.

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các sản phẩm công nghệ sinh học tại địa phương. Nghiên cứu hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về sản phẩm công nghệ sinh học cho phù hợp.

Thường xuyên rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật về công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Rà soát, nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp với khả năng về nguồn lực của tỉnh để hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

Thường xuyên rà soát, bổ sung các tiêu chí, chỉ tiêu và giải pháp cụ thể về công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, gắn với kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

a) Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp

Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học (phương pháp, kỹ thuật, chế phẩm sinh học) phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản góp phần giảm tổn thất sau thu hoạch, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của nông sản hàng hóa nhằm phát triển bền vững các hàng hóa nông sản chủ lực của tỉnh. Tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao đáp ứng nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và tuần hoàn.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen, công nghệ vi nhân giống để bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm (Nhân lông, Vải Trứng, gà Đông Tảo...) phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh. Phát triển, ứng dụng, hiện đại hóa công nghệ sinh học trong nâng cao sức đề kháng, tạo vắc xin cho vật nuôi, chế phẩm bảo vệ thực vật cho phòng bệnh cây trồng; chế biến các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu của tỉnh. Ứng dụng công nghệ di truyền, công nghệ nuôi cấy mô trong chọn, tạo, nhân giống các giống lúa thuần, lúa chất lượng cao và một số giống cây trồng phục vụ sản xuất hàng hóa; phân lập trong chọn, tạo, nhân giống cây trồng... Ứng dụng kỹ thuật quản lý, sử dụng tổng hợp tài nguyên đất và nước; các chế phẩm sinh học thế hệ mới, KIT chẩn đoán, quản lý dịch bệnh cây trồng và kiểm soát dư lượng các chất cấm trong nông sản có nguồn gốc từ cây trồng và giám định, chẩn đoán độ phì nhiêu, sức khỏe đất trồng trọt, nước tưới. Hình thành cơ sở dữ liệu ADN/barcode/chỉ thị phân tử đối với nguồn gen di truyền bản địa làm cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác, phục tráng và phát triển, bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với nhóm sản phẩm nông sản, thủy sản, đặc sản của tỉnh.

Nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng các công nghệ về sinh sản, đặc biệt là công nghệ sản xuất, bảo quản tinh đông lạnh và phương pháp thụ tinh nhân tạo để lai tạo ra các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng tốt, sức chống chịu và kháng bệnh cao trước các điều kiện bất lợi của môi trường; đồng thời sử dụng rộng rãi công nghệ biogas, công nghệ đệm lót sinh học và các chế phẩm sinh học trong chăn nuôi, chế biến và bảo quản nông sản, thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi, xử lý các phụ phẩm, phế phẩm, chất thải từ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ enzyme, protein, vi sinh vật tạo sản phẩm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng vật nuôi, nâng cao sức đề kháng đối với các yếu tố sinh học và phi sinh học; khai thác hệ sinh vật đất để nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng, phục hồi, ổn định và nâng cao độ phì của đất canh tác cây trồng nông nghiệp chủ lực.

Ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học (test chẩn đoán nhanh), công

nghe nuôi cấy tế bào (vắcxin) trong chẩn đoán, phòng trị một số bệnh nguy hiểm cho đàn vật nuôi, thủy sản như: Cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, tai xanh ở lợn, dịch tả lợn... Ứng dụng bộ sinh phẩm KIT phát hiện nhanh, kiểm soát dư lượng các chất cấm trong thực phẩm có nguồn gốc từ vật nuôi, thủy sản.

Nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp sinh học trong bảo quản các sản phẩm thủy sản (màng sinh học, muối vô cơ, điều chỉnh pH,...) nhằm hạn chế sự hao hụt giá trị dinh dưỡng của sản phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế

Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, công nghệ di truyền,... phát triển sản xuất giống cây dược liệu có giá trị dược tính, giá trị kinh tế và bảo tồn nguồn gen cây dược liệu của tỉnh.

Sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược và từ nguồn cây dược liệu của tỉnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác phục vụ sơ chế, bảo quản an toàn thực phẩm nhằm bảo đảm sức khỏe và đời sống Nhân dân.

Tập trung nguồn lực, đầu tư, hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong việc tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại để trồng và chế biến các sản phẩm từ nguồn cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận và triển khai ứng dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại trong việc xác định các vi sinh vật gây bệnh nhằm hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, điều trị các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh; sản xuất các giống dược liệu, hoạt chất từ dược liệu, các loại thực phẩm chức năng phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường thực hiện các xét nghiệm vi sinh, sinh hoá trong thực phẩm, sử dụng hiệu quả các bộ KIT để kiểm tra nhanh an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.

c) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực môi trường

Ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các loại rác thải, nước thải, chất thải gây ô nhiễm ngay tại cơ sở, nhất là ở các khu công nghiệp, các bệnh viện, các trung tâm thương mại, chợ, các khu dân cư, khu đô thị; trong quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên (đất đai, nước, không khí, tài nguyên đa dạng sinh học...).

Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp

phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

Nghiên cứu, ứng dụng các chế phẩm sinh học để xử lý hiệu quả chất thải trong sản xuất công nghiệp, chế biến thủy sản, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,... nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm chi phí sản xuất.

Tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ mới để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ rác thải sinh hoạt, phế phẩm nông nghiệp, bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhằm hoàn thiện các quy trình sản xuất tuần hoàn, mang lại giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, giữ gìn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên vì mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

d) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công thương

Triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến, tập trung vào các công nghệ theo chuỗi công nghệ khép kín, sản xuất tuần hoàn đối với từng nhóm nguyên liệu đặc trưng của tỉnh (*các sản phẩm nông sản; nấm dược liệu, cây dược liệu, ...*) tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn và có giá trị cao: Ứng dụng và phát triển công nghệ enzyme, protein và vi sinh vật trong bảo quản, chế biến, sản xuất nước uống lên men, lên men thực phẩm, dược phẩm... từ dược liệu và các nông sản khác nhằm gia tăng chất lượng sản phẩm; Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng và phát triển công nghệ enzyme, protein và vi sinh vật trong bảo quản, chế biến, sản xuất nước uống lên men, lên men thực phẩm, dược phẩm... từ dược liệu và các nông sản khác nhằm gia tăng chất lượng sản phẩm; các quy trình công nghệ, thiết bị lên men vi sinh ở quy mô vừa và nhỏ để sản xuất, chế biến thực phẩm đồ uống lên men, nước giải khát có nguồn gốc tự nhiên (thực vật, vi sinh vật), các sản phẩm đồ uống chế biến từ hạt, ngũ cốc (gạo, ngô...).

Triển khai các biện pháp quản lý, hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tăng cường đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ sinh học, ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, tăng số lượng doanh nghiệp công nghệ sinh học và nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh các sản phẩm trong lĩnh vực công nghiệp chế biến từ các sản phẩm công nghệ sinh học.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các tổ chức công lập của tỉnh; hiện đại hoá hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học gắn với công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm

đáp ứng yêu cầu đánh giá, kiểm định chất lượng các sản phẩm có giá trị. Nâng cao năng lực các tổ chức khoa học và công nghệ công lập như: Trung tâm Thông tin Thống kê Ứng dụng khoa học và công nghệ; Trung tâm Giống nông nghiệp; Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật... để xây dựng thành các đơn vị đầu mối tiếp nhận và chuyển giao công nghệ sinh học, trực tiếp đưa công nghệ vào sản xuất tại địa phương; từng bước phối hợp với các đơn vị ngoài công lập xây dựng và phát triển công nghiệp công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cán bộ khoa học thuộc mọi trình độ về công nghệ sinh học của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, môi trường. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ sinh học trong các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh.

Hoàn thiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nghiên cứu, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao tỉnh Hưng Yên thuộc Trung tâm Thông tin, Thống kê, Ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm tập trung nghiên cứu, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường;....

Thúc đẩy phong trào nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật, nhất là trong trường học và các cơ quan, đơn vị; chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ về công nghệ sinh học từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; có giải pháp hỗ trợ các nhóm nghiên cứu trẻ có tiềm năng, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo liên quan đến công nghệ sinh học.

Tập trung hỗ trợ và phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học và trong hoạt động phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm... phục vụ trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm kiểm tra chất lượng nông sản, thủy sản, đánh giá an toàn sinh học các sản phẩm công nghệ sinh học đạt tiêu chuẩn và xây dựng các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học đảm bảo theo quy định; đầu tư trang thiết bị phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thuộc các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

5. Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học

Chủ động, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để nghiên cứu, chuyển giao, tiếp nhận các công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng thành tựu của công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất, trong khám chữa bệnh, bảo vệ môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cử cán bộ, kỹ sư và các nhà khoa học trình độ cao tiếp nhận chuyên giao, trao đổi công nghệ từ các nước có nền công nghệ sinh học phát triển.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 30/11 hằng năm; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch theo yêu cầu. Tổng hợp, đề xuất khen thưởng, tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Hưng Yên, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thông tin tuyên truyền về các nội dung của Kế hoạch này nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Nghị quyết 36-NQ-TW, Nghị quyết 189/NQ-CP và Kế hoạch 203-KH/TU và Kế hoạch này chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch của đơn vị mình và chỉ đạo triển khai thực hiện, định kỳ trước ngày 10/11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

(Nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành, địa phương tại Phụ lục kèm theo).

Các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận: *SK*

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ, hoạt động triển khai thực hiện

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Công tác tuyên truyền, phổ biến, cập nhật thành tựu về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học			
1	Phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ; Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 12/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023 và các năm tiếp theo
II	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học			
1	Rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, kế hoạch về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong từng ngành, lĩnh vực; tham mưu điều chỉnh kịp thời đảm bảo phù hợp điều kiện, định hướng phát triển của tỉnh; tạo môi trường thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học để tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh	Các Sở: Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và PTNT; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội.	Hàng năm
2	Xây dựng, thực hiện kế hoạch tăng cường tiềm lực, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị về phục vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học cho các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Năm 2023 và các năm tiếp theo

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		Thương		
3	Xây dựng, triển khai Đề án thống kê, đánh giá tỷ trọng đóng góp của công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ; Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố.	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án cấp quốc gia và tổ chức triển khai hằng năm
III Phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống				
1	Xây dựng đề án/kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội; các tổ chức KH&CN.	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án cấp quốc gia và tổ chức triển khai hằng năm
2	Xây dựng đề án/kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội; các tổ chức KH&CN.	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án cấp quốc gia và tổ chức triển khai hằng năm
3	Xây dựng đề án/kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực y tế	Sở Y tế		
4	Xây dựng đề án/kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường		
5	Xây dựng đề án/kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học đặc thù phục vụ an ninh sinh học trong tình hình mới	Công an tỉnh		
6	Xây dựng đề án/kế hoạch tăng cường phòng chống tội phạm về đa dạng sinh học			
7	Xây dựng đề án/kế hoạch phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng trong tình hình mới	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
8	Xây dựng đề án/kế hoạch bảo tồn	Sở Khoa học		

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	và sử dụng bền vững nguồn gen giai đoạn 2026-2030	và Công nghệ		
IV	Xây dựng nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học			
1	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu; thương mại hóa sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức KH-CN, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đào tạo	Hàng năm
2	Chỉ đạo thực hiện tốt công tác định hướng nghề nghiệp; nâng cao chất lượng dạy học môn Sinh học, Công nghệ và các môn Khoa học tự nhiên liên quan, đẩy mạnh giáo dục Stem,... góp phần tạo nguồn nhân lực công nghệ sinh học	Sở Giáo dục và Đào tạo		Hàng năm
3	Đầu tư nguồn lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ mới, công nghệ ưu tiên trong lĩnh vực công nghệ sinh học, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học có lợi thế)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội	Hàng năm
4	Xây dựng Trung tâm kiểm soát dịch bệnh đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh trong tình hình mới	Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố.	2025-2030
5	Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; các tổ chức chính trị, xã hội; UBND huyện, thị xã, thành phố.	Hàng năm

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ cao, đặc biệt là các cơ sở nghiên cứu công nghệ sinh học lĩnh vực quốc phòng, an ninh; tăng cường liên kết đào tạo, nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, hấp thụ và ứng dụng công nghệ sinh học giữa các doanh nghiệp.			
V	Tăng cường phối hợp, hợp tác trong nước và quốc tế về công nghệ sinh học			
1	Thực hiện tốt các chính sách mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, đặc biệt là nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao trong và ngoài nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố.	Hàng năm
2	Huy động, sử dụng nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực công nghệ sinh học. Khuyến khích đầu tư vào phát triển công nghiệp chế biến, công nghệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh.	Các Sở: Công Thương; Nông nghiệp và PTNT; Y tế; Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội.	Hàng năm
3	Tăng cường phối hợp, hợp tác với các Trường đại học, các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp có tiềm lực trong nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành, thị; các tổ chức chính trị, xã hội; các trường Đại học, Viện, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp.	Hàng năm

nh